

NHU CẦU NĂNG LƯỢNG CỦA TRUNG QUỐC

HEINRICH KREFT*

Chuyến hành trình của Trung Quốc trong 25 năm để đi từ vùng ngoại vi tới vùng trung tâm của nền kinh tế thế giới quả thực là một hiện tượng đáng bàn. Nó khiến cho cả Anh và Mỹ phải mất thêm nhiều thời gian nữa mới đạt được thị phần về sản lượng hàng hoá và thương mại mà Trung Quốc đang có hiện nay.

Sự thèm khát năng lượng và các nguồn lực của Trung Quốc với tư cách là nước tiêu thụ số 1 thế giới về than, thép, đồng đỏ và đứng thứ 2 về tiêu thụ dầu mỏ và điện, chỉ xếp sau Hoa Kỳ, đã góp phần nâng giá trên các thị trường hàng hoá và dầu lửa toàn cầu. Đồng thời, hàng giá rẻ với chất lượng ngày càng cao của Trung Quốc đang tràn ngập khắp thị trường thế giới và đe dọa công ăn việc làm ở các nước công nghiệp phương Bắc lẫn các nước đang phát triển ở phương Nam. Trung Quốc ngày càng được đề cao trong các chương trình nghị sự của Quốc hội Hoa Kỳ và thu hút sự quan tâm của nhiều chính trị gia tại thủ đô các nước Châu Âu cũng như tại trung tâm của nhiều nước đang phát triển khác. Thách thức mang tên Trung Quốc có quy mô toàn cầu. Vào cuối những năm 1980, khi Nhật Bản mong muốn giành lấy vị trí hàng đầu thế giới về phát triển kinh tế từ tay Hoa Kỳ, cả Washington và Brussels đã không mất nhiều thời gian để phản ứng tức thì. Tuy nhiên, sức mạnh chính trị và kinh tế ngày càng tăng của Trung Quốc đang

đặt ra một thách thức đối với hiện trạng quốc tế lớn hơn nhiều so với những tham vọng của Nhật Bản, quốc gia đã từng gánh chịu một cuộc đợt suy thoái nghiêm trọng vào đầu những năm 1990. Sự trỗi dậy của Trung Quốc đã có tác động toàn cầu theo nhiều cách khác nhau và đòi hỏi những phân tích theo chiều sâu. Mục đích của bài viết này là tìm hiểu xem Trung Quốc đang nỗ lực như thế nào, đặc biệt là thông qua “chính sách đối ngoại hướng vào vấn đề năng lượng”, để bảo đảm các nguồn cung ứng nhiên liệu mà họ cần và đồng thời phản ánh những ảnh hưởng mà điều đó có thể gây ra đối với toàn thể cộng đồng quốc tế.

Nhu cầu năng lượng ngày càng tăng

Hiện nay, xét về mặt tiêu thụ năng lượng, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đang đứng hàng thứ 2 thế giới, sau Hoa Kỳ. Con khát năng lượng ngày càng tăng của Trung Quốc là hậu quả của sự bùng nổ kinh tế kéo dài suốt 25 năm qua, đi kèm với nó là sự mở rộng ngoại thương, gia tăng thu nhập, gia tăng dân số và đô thị hoá không ngừng. Nhu cầu đối với mọi dạng năng lượng - như than đá, dầu mỏ, khí đốt, điện, nước, các dạng năng lượng khác có khả năng phục hồi và cả năng lượng hạt nhân- trở nên tăng vọt. Nhờ nguồn dự trữ rộng lớn, hiện nay than đang là loại nhiên liệu số 1 của Trung Quốc và cung ứng 2/3 nhu cầu năng lượng của nước này. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng đã dẫn đến nhu cầu ngày càng tăng cao, đặc biệt là dầu mỏ. Sau khi chính phủ quyết định mở rộng sản xuất khí đốt tự nhiên, gas có thể sẽ đóng một vai trò lớn hơn trong tương lai nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng của đất nước. Do sự phụ thuộc ngày một nhiều vào

Cổ vấn cao cấp về chính sách đối ngoại của nhóm nghị sĩ đảng CDU/CSU (Đức). Ông nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban kế hoạch hoá chính sách và là nhà phân tích chiến lược cao cấp của Bộ Ngoại giao Đức. Toàn bộ quan điểm trong bài viết này là của tác giả.

việc nhập khẩu nhiên liệu nên Chính phủ Trung Quốc đang nỗ lực rất lớn để củng cố an ninh năng lượng quốc gia. Nỗi lo lớn nhất của Bắc Kinh hiện nay là an ninh về cung ứng dầu lửa. Cho mãi tới gần đây, Trung Quốc vẫn còn là nước tự cung tự cấp về dầu lửa và dầu những năm 1990, nước này thậm chí còn xuất khẩu dầu lửa với số lượng hạn chế. Trung Quốc bắt đầu nhập khẩu dầu lửa vào năm 1993 và kể từ đó đến nay, quy mô nhập khẩu dạng năng lượng này không ngừng tăng lên. Từ giữa những năm 1960, Trung Quốc là nhà sản xuất dầu lửa lớn nhất Châu Á, sản xuất được khoảng 3,5 triệu thùng dầu mỗi ngày. Mặc dù đã mở rộng sản xuất nhưng cầu liên tục vượt quá cung. Từ năm 1984 đến 1995, cầu đã nhảy vọt từ 1,7 triệu lên 3,4 triệu thùng dầu mỗi ngày và đến năm 2005, con số này một lần nữa lại tăng gấp đôi, lên mức 6,8 triệu thùng mỗi ngày. Trung Quốc đã vượt qua Nhật Bản để trở thành nước tiêu thụ dầu lửa lớn thứ hai thế giới vào năm 2003 và hiện nay là nước nhập khẩu dầu lớn thứ ba thế giới, sau Mỹ và Nhật. Vào thời điểm này, Trung Quốc nhập khẩu hơn 40% lượng dầu mỏ tiêu dùng trong nước.

Trước tình hình trên, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã đề xuất chương trình cải cách tổng thể trong nước và cả chiến lược an ninh nhập khẩu toàn cầu. Mục đích của họ là giữ cho sản xuất tiếp tục được duy trì tại các mỏ dầu truyền thống ở khu vực Đông Bắc, đồng thời mở rộng sản xuất tại miền Tây nước này (còn gọi là “chính sách ổn định phía Đông, phát triển phía Tây”). Ưu tiên hàng đầu được dành cho việc phát triển các mỏ dầu ở biển Đông và Nam Trung Hoa, mặc dù các kết quả thu được không mấy ấn tượng. Ngành công nghiệp dầu mỏ của nước này đã không ngừng sắp xếp lại để có tính cạnh tranh và hiệu quả cao hơn, đồng thời cho phép thực thi chính sách điều tiết giá cả

có quy mô lớn hơn thông qua thị trường. Tuy nhiên, như nhận định chung của tất cả các nhà quan sát, những biện pháp này dường như không đưa lại sự gia tăng đáng kể nào trong lĩnh vực sản xuất dầu mỏ trong một tương lai gần, trong khi đó sự gia tăng nhu cầu đối với dầu mỏ và nhập khẩu dầu mỏ lại không thể kìm hãm được. Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA) dự báo lượng dầu mỏ nhập khẩu của Trung Quốc sẽ tăng gấp 5 lần, từ 2 triệu thùng dầu mỗi ngày lên gần 11 triệu thùng dầu mỗi ngày vào năm 2030. Điều đó đồng nghĩa với việc Trung Quốc sẽ buộc phải nhập khẩu 80% lượng dầu mỏ tiêu dùng trong nước⁽¹⁾. Sự phụ thuộc của nước này vào nhập khẩu dầu mỏ là điều không thể tránh khỏi và sẽ ngày càng trở nên lớn hơn trong những năm tới đây, đó là một thực tế mà các nhà lãnh đạo Trung Quốc phải đối mặt⁽¹⁾. Cũng giống như các nước láng giềng Châu Á khác, Trung Quốc chủ yếu phải dựa vào việc nhập khẩu dầu mỏ từ vịnh Péc-xích. Năm 2015, Trung Quốc sẽ nhập khẩu khoảng 70% lượng dầu mỏ tiêu dùng từ Trung Đông, phần còn lại sẽ được cung ứng qua đường ống dẫn dầu, qua hệ thống đường sắt và tàu chở dầu từ Nga, Trung Á, Châu Phi và có thể là cả Mỹ Latinh, với một số lượng hạn chế.

Trong những năm qua, nhu cầu điện của Trung Quốc đã tăng mạnh. Nguồn dự trữ than khổng lồ vẫn đang là chỗ dựa vững chắc cho ngành công nghiệp năng lượng của nước này và Trung Quốc hiện là nước sản xuất và tiêu thụ than hàng đầu thế giới. Than đá cung cấp 2/3 tổng nhu cầu năng lượng và 80% nhiên liệu cho việc sản xuất năng lượng điện. Theo ước tính hiện nay, sản lượng tiêu dùng than sẽ tăng gấp đôi trong khoảng thời gian từ 2001 đến 2025. Xu hướng này có thể gây ra những vấn đề nghiêm trọng đối với

⁽¹⁾ Cơ quan năng lượng quốc tế, “*Tổng quan năng lượng thế giới*”, 2004, OECD, Paris.

sức khỏe và môi trường, khiến Trung Quốc phải chịu trách nhiệm đối với 1/4 lượng khí thải CO₂ của toàn thế giới. Mặc dù hiện đang xuất khẩu than với một số lượng không lớn, nhưng Trung Quốc có thể sẽ phải nhập khẩu than vào năm 2015, bất chấp nguồn dự trữ dồi dào của họ.

Nhu cầu điện tăng vọt cũng đang thúc đẩy các kế hoạch đầy tham vọng nhằm mở rộng ngành công nghiệp năng lượng hạt nhân. Hai thập kỷ tới đây, Trung Quốc dự kiến mỗi năm sẽ đưa vào hoạt động hai nhà máy năng lượng hạt nhân mới. Tiềm năng thủy điện cũng đã được khai thác và việc sử dụng các nhiên liệu có khả năng tái chế (mà trước hết là năng lượng mặt trời và năng lượng gió) cũng được mở rộng, mặc dù người ta không hy vọng các dạng năng lượng này sẽ đóng vai trò chủ chốt trong việc thoả mãn nhu cầu điện năng của đất nước. Mục tiêu được đưa ra tại Hội nghị năng lượng Bắc Kinh tháng 11/2005- tăng tỷ lệ các nhiên liệu có khả năng tái chế trong quá trình sản xuất năng lượng lên 10% vào năm 2010 và lên 15% vào năm 2015- có lẽ là quá tham vọng.

Trung Quốc chủ yếu tự túc về khí đốt, mặc dù tỷ lệ 3% của khí đốt trong tổng số các dạng năng lượng của nước này là quá nhỏ bé so với tiêu chuẩn quốc tế. Chính phủ tỏ ra nhạy bén khi nhìn thấy lợi ích của việc sản xuất khí đốt từ than đá (có thể đáp ứng 8-10% nhu cầu năng lượng của cả nước vào năm 2020). Chính vì vậy, Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư mạnh vào lĩnh vực khai thác khí đốt và các đường ống dẫn dầu nhằm vận chuyển khí đốt từ các tỉnh miền Bắc và miền Tây về các thành phố ở miền Nam và dọc miền duyên hải, cung cấp cho các hộ gia đình và cho hoạt động công nghiệp tại các khu vực đang bùng nổ đó. Mới đây, một đường ống dẫn dầu dài 4000 km để vận chuyển khí đốt từ tỉnh Xinjiang ở miền Tây về Thượng Hải đã được hoàn thành.

Mặc dù đóng góp của khí đốt vào việc thoả mãn nhu cầu năng lượng của Trung Quốc là rất quan trọng, đặc biệt là xét từ quan điểm “môi trường và khí đốt đóng vai trò trọng yếu trong chính sách năng lượng quốc gia”, nhưng mặt khác nó cũng làm tăng sự phụ thuộc của Trung Quốc vào các nhiên liệu nhập khẩu. Từ năm 2010 trở đi, sản xuất khí đốt trong nước sẽ không đủ để đáp ứng nhu cầu của Trung Quốc nữa. Họ sẽ bắt đầu nhập khẩu khí đốt tự nhiên hoá lỏng (LNG) vào năm 2007 ngay khi nhà máy LNG đầu tiên tại Quảng Đông được hoàn thành. Sau đó, một loạt các nhà máy loại này ở vùng duyên hải cũng sẽ đi vào hoạt động. Đến năm 2025, lượng khí đốt nhập khẩu sẽ chiếm khoảng 40% tổng lượng tiêu dùng của Trung Quốc. Phần lớn lượng khí đốt tự nhiên hoá lỏng nhập khẩu có thể sẽ là từ khu vực châu Á- Thái Bình Dương- Australia, Indonesia, Malaysia, Brunei và Đông Timor- nhưng một phần cũng có thể được vận chuyển từ các nước vùng Vịnh như Qatar, Iran, Oman và rất có thể là cả Yemen. Cũng rất có khả năng là Trung Quốc sẽ nhập khẩu khí đốt tự nhiên từ Đông Sibiria, nơi mà Nga đang có kế hoạch xây dựng mạng lưới các đường ống dẫn dầu then chốt.

Từ tất cả những phân tích nói trên, có thể đi đến kết luận rằng: Mặc dù Trung Quốc có những nỗ lực mang tính hệ thống để mở rộng sản xuất nhiên liệu nội địa, nhưng xu hướng ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu nhiên liệu là điều không thể thay đổi. Đáng kể nhất là sự phụ thuộc vào nhập khẩu dầu lửa, trong khi đó sự phụ thuộc vào nhập khẩu khí đốt cũng không ngừng tăng lên trong những năm tiếp theo. Sự phụ thuộc này, cùng với sự gia tăng về nhu cầu điện năng, có thể khiến Trung Quốc phải đưa ra những lựa chọn chính sách có ảnh hưởng lớn đến an ninh và môi trường, đồng thời còn có

thể gây tổn hại đến chương trình không phổ biến vũ khí hạt nhân.

Tình trạng mất an toàn năng lượng ngày càng tăng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc phụ thuộc vào mức độ thành công của Bắc Kinh trong việc đáp ứng các nhu cầu năng lượng không ngừng tăng của cả nước. Sự phụ thuộc ngày một nhiều vào việc nhập khẩu nhiên liệu đã khiến cho các nhà lãnh đạo quốc gia cảm thấy bất an và lo lắng rằng, sự gián đoạn trong quá trình cung ứng nhiên liệu hoặc sự tăng giá không thể lường trước có thể làm kìm hãm tốc độ tăng trưởng. Họ lo ngại rằng, bất kỳ sự giảm tốc nào cũng có thể dẫn đến tình trạng bất ổn xã hội và đến lượt mình sự bất ổn xã hội sẽ huỷ hoại quyền lực của họ cũng như quyền kiểm soát của Đảng Cộng sản. Vì lẽ đó, an ninh năng lượng được xem là có quan hệ mật thiết với sự ổn định kinh tế và chính trị, đồng thời được coi là nhân tố chủ chốt trong việc duy trì vai trò lãnh đạo và giữ vững vị thế cầm quyền của Đảng.

Trong bối cảnh đó, vấn đề cung ứng nhiên liệu được đặt lên hàng đầu trong chương trình an ninh quốc gia. Căn cứ vào những rủi ro ngày một lớn đối với sự phồn vinh của quốc gia do phải cung ứng những năng lượng thiết yếu cho nhiều nơi khác trên thế giới và căn cứ vào bản chất không thể lường trước của chính sách năng lượng toàn cầu, vấn đề an ninh năng lượng được xem là cực kỳ quan trọng, đến mức không thể phó mặc nó cho sự điều tiết duy nhất của các lực lượng thị trường. Hiện nay, cùng với việc giành ưu tiên hàng đầu cho an ninh năng lượng, Bắc Kinh đã đề xuất một cuộc vận động toàn cầu nhằm bảo đảm nguồn cung ứng nhiên liệu cho nước này.

Sự tấn công của bọn khủng bố vào lãnh thổ Hoa Kỳ, cuộc chiến “chống khủng bố” của Mỹ và các hoạt động can thiệp quân sự

của Mỹ tại Afghanistan và Iraq, tất cả những điều này đã góp phần làm tăng thêm cảm giác của Trung Quốc về tình trạng bất an và dễ bị tổn thương. Đặc biệt là nỗi lo về sự tấn công của bọn khủng bố vào các cơ sở năng lượng hoặc các khu vực dễ bị tổn thương cao độ- ví dụ như eo biển Hormuz và Malacca- trên các làn đường biển chạy từ Trung Đông. Năm 2003, mỗi ngày có 15 triệu thùng dầu được vận chuyển bằng tàu biển qua eo biển Hormuz ở Vịnh Pecxich, trong số đó 10 triệu thùng dầu được chuyên chở qua eo biển Malacca nằm giữa Indonesia và Malaysia. Hàng ngày cũng có hơn 1 triệu thùng dầu từ các mỏ dầu châu Phi được chuyển qua các eo biển này trên đường tới Đông Bắc Á. Điều đó có nghĩa rằng, mỗi ngày có hơn 50% lượng nhiên liệu của châu Á được vận chuyển qua eo biển Malacca⁽²⁾. Bắc Kinh lo ngại rằng, phản ứng thái quá của Hoa Kỳ trước vụ khủng bố 11/9 có thể sẽ gây mất ổn định cho khu vực sản xuất dầu lửa Trung Đông và Trung Á vốn dĩ đã quá bất ổn rồi. Khi Trung Quốc coi Mỹ là đối thủ chiến lược về dài hạn thì bất kỳ sự mở rộng ảnh hưởng nào của Mỹ tại Trung Á và vùng Vịnh cũng có khả năng làm tăng thêm nỗi lo bị bao vây của Trung Quốc. Việc vùng Vịnh (một khu vực có tầm quan trọng chiến lược đối với hoạt động cung ứng dầu mỏ thế giới) đang nằm dưới sự thống trị của Hoa Kỳ là một quan điểm được chia sẻ rộng rãi bên ngoài Trung Quốc. Các đường biển qua Ấn Độ Dương tới Đông Bắc Á, con đường cung cấp dầu mỏ chính của Trung Quốc, đang

⁽²⁾ Tại Trung Quốc, đây là chủ đề của một cuộc tranh luận sôi nổi và rộng rãi. Ví dụ, có thể xem bài viết “Cuộc tranh luận về an ninh năng lượng của Trung Quốc” của tác giả Erica S. Downs, Tạp chí China Quartely, tháng 3/2004, tr. 177

nằm dưới tầm kiểm soát của lực lượng hải quân Mỹ. Không có gì đáng ngạc nhiên khi Bắc Kinh không chỉ quan tâm đến tác động của thực tế này đến đòn bẩy chiến lược của họ, mà còn quan tâm đến ảnh hưởng của nó đối với nền kinh tế Trung Quốc cũng như sự ổn định chính trị- xã hội của cả nước.

Là một nước ngày càng phụ thuộc vào dầu mỏ, Trung Quốc tin rằng Hoa Kỳ và các công ty dầu lửa lớn của phương Tây đang có quá nhiều ảnh hưởng tới thị trường dầu mỏ và ngành công nghiệp dầu mỏ thế giới. Giá dầu cao và mối lo về sự khan hiếm dầu mỏ thế giới khiến cho Bắc Kinh ngày càng cảm thấy dễ bị tổn thương. Hơn thế nữa, họ còn cảm thấy bị cô lập khỏi các thiết chế toàn cầu được thiết lập để điều tiết việc cung ứng năng lượng toàn cầu, đặc biệt là cơ quan năng lượng quốc tế (IEA), mặc dù Trung Quốc đã tham gia diễn đàn năng lượng quốc tế (một tổ chức tập hợp các nhà sản xuất và tiêu thụ dầu mỏ trên thế giới).

Chính sách ngoại giao năng lượng của Trung Quốc

Trung Quốc đang đối phó với những thách thức này bằng cách theo đuổi một chính sách năng lượng toàn cầu trên nhiều mặt trận. Mục đích của chính sách này là tăng cường an ninh năng lượng của đất nước, sao cho có thể giảm bớt khả năng dễ bị tổn thương trước tình trạng thiếu hụt nhiên liệu hoặc các cú sốc về giá cả. Kết quả cuối cùng sẽ là một chiến lược năng lượng dựa trên phương pháp tiếp cận trọng thương kiểu mới và nhằm đạt tới quyền kiểm soát trực tiếp đối với nguồn dự trữ dầu mỏ và khí đốt ở nước ngoài. Điều này được thực hiện trước hết thông qua việc mua lại các mỏ dầu và khí đốt của nước ngoài, do ba công ty lớn của Trung Quốc là CNPC, Sinopec và CNOOC tiến hành; và thứ hai là thông qua việc ký kết các thoả thuận về đường ống dẫn dầu với các nước láng giềng để cung ứng

dầu và khí đốt trực tiếp đến Trung Quốc. Chính sách ngoại giao năng lượng tiên phong của Trung Quốc có mục tiêu thắt chặt quan hệ với các nhà xuất khẩu khí đốt và dầu lửa hàng đầu thế giới thông qua một chương trình có quy mô lớn với các cuộc thăm viếng hai chiều và trợ giúp tài chính, kinh tế nhằm mở rộng thương mại và tiếp xúc quân sự. Trọng tâm của khuynh hướng ngoại giao này đương nhiên là vùng Vịnh, cùng với Trung Á, Nga, Châu Phi và Mỹ Latin, mới đây nhất là Canada. Kết quả từ những nỗ lực đó là việc chính phủ Trung Quốc đã ký kết hiệp ước "các liên minh năng lượng chiến lược" với ít nhất là 8 nước trong vòng 5 năm qua.

Có thể quan sát thấy kết quả của chính sách ngoại giao năng lượng của Trung Quốc cùng với nỗi lo ngày càng lớn, đặc biệt là tại Châu Á và nhiều nơi khác trên thế giới. Tại nhiều khu vực, sự leo thang chóng mặt của giá dầu bị quy kết cho cơn khát nhiên liệu dữ dội của Trung Quốc. Có một sự thật là, nhu cầu nhiên liệu của Trung Quốc tăng lên 14% năm 2004 đã góp phần đẩy giá dầu tăng cao. Tuy nhiên, Trung Quốc chỉ chiếm khoảng 30% trong tổng số 2,8 triệu thùng dầu mỗi ngày (sản lượng tăng thêm của nhu cầu dầu mỏ thế giới năm 2005), một con số phù hợp với mức đóng góp bình quân của nước này trong tổng lượng nhu cầu dầu mỏ toàn cầu thập niên vừa qua. Từ năm 2000-2004, nhu cầu dầu lửa tại Trung Quốc đã tăng 1,5 triệu thùng dầu mỗi ngày, cao hơn so với mức tăng 1,3 triệu thùng dầu mỗi ngày tại Hoa Kỳ. Tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ về nhu cầu dầu lửa thế giới có nguyên nhân trước hết và trên hết là do sự phục hồi kinh tế kể từ giữa năm 2003 đến nay. Nguyên nhân chính của mức giá dầu cao như hiện nay là do thiếu vắng năng lực sản xuất mới và tình trạng đình trệ sản xuất kéo dài.

Một phương diện khác trong định hướng năng lượng của Trung Quốc có lẽ còn mang

ý nghĩa quan trọng hơn nhiều. Một yếu tố trong chiến lược dầu mỏ trọng thương mới của Bắc Kinh là nỗ lực thông qua các công ty dầu lửa Trung Quốc để giành quyền kiểm soát trực tiếp đối với hoạt động sản xuất tại các nước xuất khẩu dầu mỏ chủ chốt. Mục đích của họ là bảo đảm rằng, sản lượng thu được từ các mỏ dầu nằm dưới sự kiểm soát của Bắc Kinh sẽ được xuất khẩu trực tiếp tới Trung Quốc và không được bán ra trên thị trường dầu lửa thế giới với tư cách là đầu vào của hầu hết các công ty đa quốc gia trong lĩnh vực dầu lửa. Nếu Trung Quốc thành công trong nỗ lực thoả mãn nhu cầu năng lượng của mình nhờ việc biến một số nước thành các nhà cung ứng dầu cho riêng họ thì năng lực phản ứng linh hoạt của thị trường dầu mỏ thế giới trước sự thiếu hụt bất ngờ hoặc trước nhu cầu năng lượng gia tăng sẽ bị sụt giảm đáng kể. Cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973-1974 đã dạy cho các nước công nghiệp phương Tây bài học rằng, tham gia một trò chơi vô nghĩa trong cuộc khủng hoảng sẽ chỉ làm trầm trọng thêm vấn đề, vì hậu quả sẽ là thu hẹp khả năng phản ứng linh hoạt và hiệu quả của thị trường trước sự thiếu hụt dầu lửa. Chính vì quan điểm này mà IEA đã được thành lập với mục tiêu ngăn ngừa một cuộc tranh giành dầu mỏ có thể đặt các nước ở thế đối chọi nhau và gây ra sự thiếu hụt tồi tệ hơn nhiều, thậm chí là đẩy giá dầu lên cao hơn nữa. Kể từ đó, trọng tâm trong chiến lược của phương Tây là đa dạng hoá hoạt động sản xuất dầu lửa và bảo đảm rằng sẽ kiểm soát trong chừng mực có thể thị trường dầu mỏ thế giới, nơi mà việc phân bổ phải chịu sự chi phối của các lực lượng thị trường.

Có một nguy cơ là chiến lược trọng thương mới của Trung Quốc nhằm củng cố

an ninh năng lượng bằng cách giành quyền kiểm soát trực tiếp đối với các mỏ dầu và khí đốt, cũng như các con đường cung ứng dầu có thể sẽ dẫn đến những căng thẳng leo thang tại khu vực vốn luôn bất ổn, không có các thiết chế khu vực để giải quyết tranh chấp và đang ở trong quá trình quá độ khó khăn, mà trên thực tế là do sự trỗi dậy của Trung Quốc. Cuộc cạnh tranh năng lượng đang làm tăng thêm quan hệ đối địch hiện có giữa Trung Quốc và nhiều nước láng giềng. Hiện nay, đôi lúc Trung Quốc và Nhật Bản vẫn phải tiến hành những nỗ lực ngoại giao tăng cường để bảo đảm các con đường vận chuyển dầu mỏ riêng của họ trên tuyến đường ống dẫn dầu mới của Nga, để đưa dầu từ miền Đông Sibiria tới ven bờ Thái Bình Dương. Họ còn dính dáng đến một vụ tranh chấp đối với mỏ khí đốt nhỏ ở ngoài khơi biển Đông Trung Hoa mà cả hai quốc gia đều đã tuyên bố chủ quyền. Những vấn đề này làm tăng thêm những căng thẳng vốn có giữa Tokyo và Bắc Kinh, đồng thời gây thiệt hại nhiều hơn tới quan hệ giữa hai bên. Tuy nhiên, việc xem cuộc tranh giành năng lượng này là một hiện tượng thuần tuý Trung Quốc sẽ là một sai lầm. Có nhiều bằng chứng cho thấy sự lan rộng khắp Châu Á của một hình thái nguy hiểm mang tên “chủ nghĩa dân tộc trong vấn đề năng lượng”, kích động những đối thủ truyền thống trong khu vực này. Để củng cố an ninh cho hoạt động nhập khẩu nhiên liệu và các tuyến đường cung ứng năng lượng, tất cả các nền kinh tế lớn của châu Á- ngoài Trung Quốc, còn có Nhật Bản, Hàn Quốc và mới đây là một loạt các nước Đông Nam Á khác- đã lựa chọn chính sách trọng thương có tính chất dân tộc chủ nghĩa, gây trở ngại cho sự xuất hiện của các phương pháp tiếp cận theo định hướng thị

trường và hợp tác, với mục đích thúc đẩy những nỗ lực chung trước vấn đề an ninh năng lượng, hiện đang là một thách thức chung đối với tất cả các nước này.

Sự phụ thuộc ngày càng lớn của Trung Quốc vào nguồn dầu mỏ nhập khẩu từ các khu vực bất ổn, thông qua các đường biển khó kiểm soát, đã có một tác động đáng kể tới kế hoạch quân sự của nước này. Theo một số chuyên gia phương Tây, Bắc Kinh đang có ý định mở rộng sức mạnh hải quân nhằm bảo vệ các vùng duyên hải của Trung Quốc và eo biển Đài Loan. Để củng cố cho quan điểm này, họ hướng đến hạm đội tàu ngầm cỡ lớn mà Bắc Kinh đã xây dựng nên, đồng thời nỗ lực ký kết các thoả thuận về việc sử dụng các cảng biển dọc theo tuyến đường chở dầu tại biển Nam Trung Hoa và tại Myanmar, Bangladesh và Pakistan. Những động thái như vậy có thể gây ra sự va chạm nếu như Trung Quốc không hợp tác được với các nước Châu Á khác có cùng mối quan tâm và trên hết là với Hoa Kỳ, một quốc gia mà ít nhất là cho tới nửa cuối thế kỷ này, an ninh trên các đường biển thế giới vẫn sẽ phải phụ thuộc vào họ.

Trong những năm gần đây, thông qua chính sách ngoại giao năng lượng tích cực, Trung Quốc đã trở thành chủ thể lớn trong nhóm các nước và khu vực giàu năng lượng và hàng hoá. Trung Quốc đã ký kết hiệp ước liên minh năng lượng và đầu tư mạnh tại nhiều quốc gia như Sudan, Iran, Myanmar, Venezuela và Uzbekistan. Các khoản đầu tư lớn nhất của Trung Quốc trong lĩnh vực dầu mỏ ở nước ngoài tập trung tại Sudan. Bắc Kinh bị buộc tội là đã phá hoại các chế tài mà Liên Hợp Quốc áp đặt cho Khartoum nhằm trừng phạt các hành vi vi phạm nhân quyền quy mô lớn tại Dafur và chống lại

những động thái có chiều hướng làm gia tăng mức độ nghiêm trọng và quy mô của chúng. Tại Myanmar, Trung Quốc tiếp tục mở rộng các hoạt động của mình; với Uzbekistan, mới đây Trung Quốc đã ký kết một loạt các hiệp định đầu tư vào ngành công nghiệp năng lượng của nước này; còn với Tổng thống Chavez có tư tưởng dân túy và chống Mỹ của Venezuela, Trung Quốc đã ký một hiệp ước liên minh năng lượng chiến lược.

Xét về mặt trung hạn, những nỗ lực của Trung Quốc nhằm củng cố an ninh năng lượng có thể sẽ làm gia tăng ảnh hưởng của nước này tại Trung Đông. Điều đó sẽ thách thức sự thống trị của Mỹ tại đây và làm phức tạp thêm những mối quan hệ vốn dĩ rất khó khăn giữa Mỹ và nhiều nước trong khu vực này, đặc biệt là Iran, mà vấn đề tranh cãi hiện nay về những tham vọng hạt nhân của Iran- cũng được Châu Âu coi như một mối đe dọa- là một minh chứng đầy đủ. Hiện tại, gần 2/3 sản lượng dầu mỏ của Trung Đông là dành riêng cho Châu Á, một khuynh hướng có thể sẽ còn rõ nét hơn nhiều trong tương lai. Nhiều nước vùng Vịnh, trong đó có Arập Saudi, đang noi theo tấm gương Iran và tích cực mở rộng quan hệ với Trung Quốc nhằm giảm bớt sự phụ thuộc một chiều vào Hoa Kỳ.

Một trọng tâm khác trong chính sách ngoại giao năng lượng của Trung Quốc là Nga và Trung Á. Việc nối lại quan hệ hữu nghị Nga- Trung trong những năm gần đây có nguyên nhân một phần là do mối quan tâm của Trung Quốc tới các loại vũ khí của Nga và chủ yếu là do cơn khát năng lượng chưa từng có của Trung Quốc. Theo quan điểm của Matxcova, cuộc cạnh tranh Trung-Nhật hiện nay để giành lấy dầu mỏ (và khí

đốt) của Nga đang góp phần củng cố những triển vọng của Nga trong việc quay trở lại Châu Á. Vì quan tâm tới tầm vóc mới của Trung Quốc cùng với sự đột phá về kinh tế và chính trị của nước này, cũng như những sức ép đối với vùng Sibiria và khắp vùng Viễn Đông do sự gia tăng dân số của Trung Quốc gây ra, nên Matxcova quyết tâm phát huy tối đa sức mạnh của con át chủ bài “năng lượng”. Đó là động lực thực sự khiến Matxcova quyết định đặt đường ống dẫn dầu tới ven biển Thái Bình Dương dọc theo lãnh thổ nước Nga, một quyết định có thể gây ra sự thất vọng ở Bắc Kinh, mặc dù hiện nay Matxcova đã đồng ý xây dựng một đường ống dẫn dầu phụ tới Trung Quốc. Trong khi đó, Trung Quốc ý thức rất rõ các nguồn dự trữ năng lượng khổng lồ của Trung Á và rất quan tâm đến sự ổn định của 5 quốc gia Trung Á cũng như tầm quan trọng của việc bảo đảm lượng nhập khẩu nhiên liệu từ khu vực này, vì vậy họ không ngừng mở rộng Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO). Trung Quốc đã đầu tư rất nhiều vào lĩnh vực năng lượng của Kazakstan và đã thắng thầu trước một công ty của Ấn Độ khi mua lại công ty dầu lửa Kazakstan có trụ sở đóng tại Canada. Cùng với Kazakstan, Bắc Kinh đang trong quá trình xây dựng một đường ống dẫn dầu lớn tới miền Tây Trung Quốc.

Những việc cần làm ngay?

Nhu cầu dầu lửa ngày một tăng của Trung Quốc và định hướng an ninh năng lượng của Bắc Kinh đang là một thách thức chính trị có quy mô toàn cầu. Việc không thuyết phục được Trung Quốc thấy rõ nhu cầu phải có một phương pháp tiếp cận mang tính hợp tác trong khu vực này có thể sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng, không chỉ đối với môi trường, đặc biệt là khí hậu thế giới (hiện

tượng nóng lên toàn cầu/ hiệu ứng nhà kính), mà còn đối với cả sức mạnh của nền kinh tế thế giới, sự ổn định và hoà bình ở Châu Á cũng như nhiều nơi khác, thậm chí là toàn bộ trật tự quốc tế hiện nay. Rõ ràng, Trung Quốc cần hỗ trợ để nâng cao hiệu quả năng lượng và khuyến khích việc sử dụng các nhiên liệu có khả năng tái chế, bởi lẽ đó là cách duy nhất để chế ngự sự tăng vọt về nhu cầu tiêu dùng năng lượng, nguyên nhân chính gây ra cảm giác bất an về các nguồn cung ứng nhiên liệu của quốc gia này.

Như vậy, có thể thấy, điều quan trọng là mở ra những cơ hội để khuyến khích Trung Quốc tin tưởng nhiều hơn vào thị trường dầu mỏ thế giới và coi đó là sự thay thế tốt nhất cho chính sách ngoại giao năng lượng có tính trọng thương của họ, bởi lẽ nguy cơ đối với chiến lược hiện nay của họ nằm ở chỗ sự vận hành hiệu quả của thị trường có thể bị phá hoại và xét về trung hạn, sẽ làm tổn hại tất cả các lĩnh vực khác có liên quan. Nói cách khác, cần phải suy nghĩ về phương thức tốt nhất để hội nhập Trung Quốc vào các thoả thuận toàn cầu về các nguồn dự trữ dầu tập thể và quản lý các nguồn dự trữ đó, mà vai trò nòng cốt là của IEA. Tại những vị trí trọng yếu dọc theo miền duyên hải phía Đông, Trung Quốc đang lập kế hoạch xây dựng 4 kho chứa dầu mới, được dùng làm nơi cất giữ một phần nguồn dự trữ chiến lược của nước này. Đó cũng sẽ là một việc có ý nghĩa khi Trung Quốc phối kết hợp những nỗ lực này với các kế hoạch ngẫu nhiên của họ với IEA nhằm bảo đảm rằng các nguồn dự trữ sẽ được dùng một cách hiệu quả nhất trong trường hợp xảy ra khủng hoảng.

Một phương thức để chỉ ra những hàm ý về an ninh liên quan đến khuynh hướng “chủ

nghĩa dân tộc trong vấn đề năng lượng” ở Châu Á là phát triển các thiết chế năng lượng khu vực để thúc đẩy các dự án năng lượng đa phương và hợp tác khu vực. Nhiều thiết chế khác hiện nay- APEC, ARF và ASEM- có thể tạo ra nền tảng cho một cuộc đối thoại thực sự bổ ích về vấn đề năng lượng và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các thành viên của nó, trong đó có các chủ thể bên ngoài khu vực như Hoa Kỳ và EU (vốn có quyền lợi rất lớn trong sự ổn định của khu vực này). Toàn bộ các sáng kiến đang được thực hiện đều có mục đích lôi kéo sự tham gia của Trung Quốc vào quá trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực năng lượng (ví dụ như G8, đặc biệt là hội nghị thượng đỉnh Gleneagles và thời kỳ sau đó; EU, đặc biệt là hội nghị thượng đỉnh EU-Trung Quốc; một loạt các hoạt động song phương, bàn về các vấn đề đối mới, trong đó có sự tham gia của Đức; diễn đàn năng lượng quốc tế dưới sự bảo trợ của IEA). Những nỗ lực này cần được đẩy mạnh hết mức, bởi lẽ thách thức mà cơn khát năng lượng của Trung Quốc đặt ra đang là một thách thức có quy mô toàn cầu.

Nếu các vấn đề năng lượng không được giải quyết trên tinh thần hợp tác hoặc việc hợp tác không thể thực hiện được thì rủi ro sẽ rất cao, vì chúng sẽ trở thành cội nguồn của cạnh tranh, của nhận thức sai lệch, của sự hoài nghi và là nguyên nhân gây trở ngại cho lợi ích của nước khác. Nếu Bắc Kinh tin rằng Hoa Kỳ và các nước khác đang cố gắng sử dụng nền chính trị năng lượng như một phương tiện để ép Trung Quốc, thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi Trung Quốc sẽ nỗ lực dùng ảnh hưởng ngày càng lớn của mình trong lĩnh vực năng lượng để phá hoại các chính sách an ninh và đối ngoại

của phương Tây. Điều này có thể bao gồm việc gia tăng “trữ lượng” các mỏ dầu và khí đốt cũng như các nguồn cung ứng năng lượng khác, thậm chí là cả những mối quan hệ chặt chẽ với các khoản đầu tư ngày một lớn tại các nước nghèo, sự thúc đẩy hợp tác an ninh với các chính phủ chống phương Tây, và có thể là cả việc chính trị hoá các thị trường năng lượng toàn cầu.

Một môi trường như vậy có thể sẽ làm tăng thêm rất nhiều ảnh hưởng của những người theo đường lối cứng rắn trong ban lãnh đạo của Trung Quốc, những người luôn coi Hoa Kỳ là một mối đe dọa đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc và luôn mong muốn tăng cường sức mạnh quân sự - đặc biệt là phát triển năng lực chiến đấu của các lực lượng hải quân, nhằm thách thức quyền kiểm soát của Hoa Kỳ đối với các tuyến thông tin liên lạc trên biển và cũng là tuyến đường vận chuyển lượng dầu mỏ nhập khẩu vào Trung Quốc- đồng thời làm giảm ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực này. Một động thái như vậy sẽ thu hút sự quan tâm rất lớn của nhiều cường quốc Châu Á khác, từ Nhật Bản và Hàn Quốc ở Đông Bắc Á, đến các nước ASEAN ở Đông Nam Á và Ấn Độ ở Nam Á. Không chỉ là một cuộc chạy đua vũ trang, mà rất có thể sẽ xảy ra một loạt các hậu quả tiêu cực khác. Do đó, giải pháp tốt nhất cho tất cả các bên - Trung Quốc, Hoa Kỳ, các nước Châu Âu và Châu Á- là cố gắng hiểu được những bất ổn về vấn đề năng lượng của mỗi bên và cùng nhau phát triển những phương thức hợp tác mới.

Biên dịch: Xuân Tùng

Nguồn: Tạp chí Policy Review (số tháng 10-11/2006).